

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3207 /UBND-XDĐT
V/v chi phí xử lý rác bằng hình thức
chôn lấp tại Khu xử lý rác tạm
phường Phước Thới, quận Ô Môn.

Cần Thơ, ngày 01 tháng 7 năm 2014

Kính gửi:

- Giám đốc Sở Xây dựng;
- Giám đốc Sở Tài chính;
- Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng thành phố;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Ô Môn;
- Giám đốc Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Mùa Xuân

SỞ XÂY DỰNG TP.CẦN THƠ	
ĐẾN	Số: 1855
	Ngày: 03/7/14
Chuyển:	
Lưu hồ sơ số:	

Xét Công văn số 1089/SXD-HTKT ngày 27 tháng 5 năm 2014 của Sở Xây dựng về việc công bố đơn giá tạm thời công tác chôn lấp rác tại Khu đổ rác tạm quận Ô Môn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố có ý kiến như sau:

1. Thống nhất chi phí xử lý rác (giá xử lý sau thuế) bằng hình thức chôn lấp tại Khu xử lý rác tạm phường Phước Thới, quận Ô Môn là 104.100 đồng/tấn theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Công văn nêu trên.

Chi phí xử lý nêu trên được áp dụng cho lượng rác xử lý tại Khu xử lý rác tạm phường Phước Thới, quận Ô Môn trong khoảng thời gian từ ngày 31 tháng 12 năm 2013 đến 31 tháng 12 năm 2014.

2. Giao Giám đốc Sở Xây dựng thực hiện công bố chi phí xử lý rác bằng hình thức chôn lấp tại Khu xử lý rác tạm phường Phước Thới, quận Ô Môn đến các đơn vị có liên quan biết, tổ chức thực hiện.

Nhận được Công văn này, Giám đốc Sở Xây dựng và Thủ trưởng đơn vị nêu trên và có liên quan tổ chức thực hiện./. *SH*

(Đính kèm Công văn số 1089/SXD-HTKT ngày 27 tháng 5 năm 2014)

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT.TU, TT. HĐND thành phố;
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Sở KH&ĐT;
- UBND quận, huyện;
- VP UBND thành phố (3D);
- Lưu VT,BN.



Võ Thị Hồng Ánh

Số: 1089/SXD-HTKT

Cần Thơ, ngày 17 tháng 5 năm 2014

V/v công bố đơn giá tạm thời công
tác chôn lấp rác tại Khu đổ rác tạm

quận Ô Môn.

VĂN PHÒNG UBND TP. CẦN THƠ

Số: 6701
Ngày: 29/5/2014
Chuyển: 3.0...
Ưu hồ sơ số:

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

Căn cứ Công văn số 2272/BXD-VP ngày 10 tháng 11 năm 2008 của Bộ Xây dựng về việc công bố định mức dự toán thu gom, vận chuyển và xử lý chôn lấp rác thải đô thị;

Căn cứ Đơn giá dịch vụ công ích đô thị thành phố Cần Thơ công bố kèm theo văn bản số 27/SXD-KTXD ngày 10 tháng 01 năm 2012 của Sở Xây dựng;

Trên cơ sở giải trình chi phí hoạt động tại Khu đổ rác tạm phường Phước Thới quận Ô Môn của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Mùa Xuân và qua theo dõi thực tế quá trình vận hành Khu đổ rác tạm, Sở Xây dựng kính trình Ủy ban nhân dân thành phố đơn giá công tác chôn lấp rác tại Khu đổ rác tạm Ô Môn với nội dung như sau:

1. Cơ sở xây dựng đơn giá

Theo hướng dẫn tại Thông tư 06/2008/TT-BXD, đơn giá công tác dịch vụ công ích đô thị bao gồm chi phí về vật liệu, nhân công, sử dụng xe máy và thiết bị (gọi là chi phí trực tiếp), việc tính toán chi phí trực tiếp công tác xử lý chất thải rắn phải căn cứ giải pháp xử lý chất thải rắn và xử lý nước rỉ rác.

Tuy nhiên do công trình bãi đổ rác tạm tại quận Ô Môn được đầu tư xây dựng trong tình trạng vừa thiết kế vừa thi công nên việc thực hiện quy trình chôn lấp tạm, công tác quản lý vận hành bãi rác và dự toán quản lý vận hành chưa đúng theo quy định. Theo báo cáo của Chủ đầu tư, hiện đang xin chủ trương thực hiện giai đoạn 2 của Khu đổ rác tạm quận Ô Môn, trong đó sẽ thực hiện Báo cáo đánh giá tác động môi trường cho toàn bộ khu đổ rác tạm (giai đoạn 1 và giai đoạn 2).

Căn cứ tình hình thực tế như trên, Sở Xây dựng căn cứ trên định mức "Công tác chôn lấp rác tại bãi chôn lấp rác, công suất bãi <500 tấn/ngày - Mã hiệu MT3.01.00" do Bộ Xây dựng công bố tại Công văn số 2272/BXD-VP. Sở Xây dựng cùng Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã họp trao đổi và đi đến thống nhất đơn giá tạm thời cho công tác chôn lấp rác áp dụng cho quá trình vận hành thực tế tại bãi đổ rác tạm quận Ô Môn, trong đó có điều chỉnh một số hóa chất, vật liệu và giá ca máy sử dụng tại bãi rác theo báo cáo về việc sử dụng thực tế của đơn vị vận hành bãi đổ rác tạm Ô Môn.

2. Thành phần chi phí

Chi phí xử lý chất thải rắn bao gồm: chi phí trực tiếp, chi phí quản lý chung và lợi nhuận định mức.

a) Chi phí trực tiếp:

*** Chi phí nhân công:** thực hiện các công việc như sau:

- Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ lao động và bảo hộ lao động.
- Ghi chép khối lượng và hướng dẫn chỗ đổ cho các xe tập kết.
- Rắc vôi bột và một số hoá chất để trừ muỗi.
- Phun xịt chế phẩm diệt ruồi, khử mùi hôi.
- Quét đường, rửa đường dẫn vào bãi rác (ngoài bãi rác).
- Hết ca vệ sinh phương tiện, tập trung về nơi qui định, giao ca.

*** Chi phí vật liệu:**

- Chế phẩm phun xịt khử mùi hôi, diệt ruồi.

*** Chi phí máy thi công:** thực hiện các công việc như sau:

- Máy ủi D3: ủi rác từ các vị trí tập kết rác vào trong các ô rác.
- Máy ủi D6: san ủi, đầm nén rác bên trong các ô rác.

b) Chi phí chung và lợi nhuận định mức:

Chi phí chung và lợi nhuận định mức cho công tác xử lý chất thải rắn được quy định tại Thông tư 06/2008/TT-BXD và được hướng dẫn cụ thể tại Công văn số 27/SXD-KTXD ngày 10 tháng 01 năm 2012 của Sở Xây dựng về việc công bố và hướng dẫn áp dụng đơn giá dịch vụ công ích đô thị thành phố Cần Thơ.

3. Phương pháp tính

a) Tiền lương nhân công trực tiếp

Định mức, đơn giá nhân công được lấy theo công tác mã hiệu MT3.01.00, bậc thợ tương đương bậc 4/7, công nhân công trình đô thị nhóm III - Và trên cơ sở Nghị định 205/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ quy định hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương trong các công ty nhà nước (hiện nay đang được công bố áp dụng).

Chức danh công việc	Bậc lương tương đương	Hệ số bậc lương (HSL)	Lương cơ bản (LCB)	Lương phụ (nghỉ lễ, tết...) PC= 12% LCB	Tổng LCB+PC (đ/công)
A.1.5. Công nhân công trình đô thị - Nhóm III					
Xử lý rác sinh hoạt.	4/7	2,92	199.908	23.989	223.897

b) Giá vật liệu:

- Chế phẩm phun xịt khử mùi, diệt ruồi: Lấy theo kinh nghiệm sử dụng thực tế tại Khu đổ rác tạm Ô Môn vào thời điểm tháng 02 năm 2014 là chế phẩm Freshen Free có giá khoảng 272.000 đồng/lít (chưa gồm thuế giá trị gia tăng). Liều lượng sử dụng 01 lít/100 tấn rác.

c) Máy thi công:

- Định mức được tính toán theo số liệu thực tế được cung cấp bởi đơn vị quản lý vận hành như sau:

+ Xe ủi D3, hoạt động 2 ca/ngày:

$$\frac{2 \text{ ca/ngày}}{350 \text{ tấn/ngày}} = 0,00571 \text{ ca/tấn}$$

+ Xe ủi D6, hoạt động 2 ca/ngày:

$$\frac{2 \text{ ca/ngày}}{350 \text{ tấn/ngày}} = 0,00571 \text{ ca/tấn}$$

Do thời gian hoạt động của Khu đổ rác tạm dự kiến khoảng 3-4 năm nên thiết bị của đơn vị vận hành không mua mà thuê mượn. Do đó, giá ca máy, thiết bị lấy theo giải trình chi phí của đơn vị vận hành bãi rác, cụ thể như sau: xe ủi D3 4.090.000 đồng/ca; xe ủi D6 8.181.000 đồng/ca (lấy trung bình ca ngày và ca đêm).

4. Đơn giá đề xuất

a) Chi phí trực tiếp:

Đơn vị tính: 1 tấn rác

Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng	Giá (chưa có VAT)	Đơn giá
<u>Vật liệu:</u>				
- Vôi bột	tấn	0,00023	3.636.000	836
- Chế phẩm phun xịt khử mùi, diệt ruồi	lít	0,0100	272.000	2.720
<u>Nhân công:</u>				
- Cấp bậc thợ bình quân tương đương bậc 4/7	công	0,060	223.897	13.434
<u>Máy thi công:</u>				
- Xe ủi D3	ca	0,00571	4.090.000	23.354
- Xe ủi D6	ca	0,00571	8.181.000	46.714
Tổng chi phí trực tiếp:				87.058

b) Chi phí tổng hợp:

Chi phí tổng hợp để thanh toán cho đơn vị vận hành bao gồm: chi phí trực tiếp, chi phí quản lý chung, lợi nhuận định mức và thuế giá trị gia tăng. Cụ thể như sau:

Đơn vị tính: 1 tấn rác

Stt	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền
I	Chi phí trực tiếp	T	VL + NC + M	87.058
1	Chi phí vật liệu	VL	VL	3.556
2	Chi phí nhân công	NC	NC	13.434
3	Chi phí sử dụng thiết bị	M	M	70.067
II	Chi phí quản lý chung	C	M × 5%	3.503
III	Lợi nhuận định mức	TL	(T+C) × 4,5%	4.075
	Giá xử lý trước thuế	G	T+C+TL	94.636
IV	Thuế giá trị gia tăng	GTGT	G × 10%	9.464
	Giá xử lý sau thuế	Gxl	G+GTGT	104.100

c) So sánh với đơn giá hiện hành (Công tác chôn lấp rác tại bãi chôn lấp rác, công suất bãi <500 tấn/ngày - Mã hiệu MT3.01.00):

So sánh với chi phí xử lý rác theo đơn giá hiện hành là 72.474 đồng/tấn (công bố năm 2012), chi phí xử lý đề xuất 104.100 đồng/tấn, tăng thêm 31.626 đồng/tấn. Phần tăng thêm chủ yếu là chi phí sử dụng thiết bị. Nguyên nhân là do thời gian hoạt động của Khu đổ rác tạm dự kiến khoảng 3-4 năm nên thiết bị không mua mà thuê mướn dẫn đến chi phí xử lý tăng.

d) Phạm vi áp dụng:

Chi phí xử lý nêu trên được áp dụng cho lượng rác xử lý tại Khu đổ rác tạm phường Phước Thới, quận Ô Môn trong khoảng thời gian từ ngày 31 tháng 12 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Sở Xây dựng kính trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, thống nhất chi phí xử lý rác tại Khu đổ rác tạm quận Ô Môn để làm cơ sở công bố theo quy định. /*Agg*

(Đính kèm: Công văn số 493/BQLDA-KH ngày 10/4/2014; Giải trình chi phí của đơn vị quản lý vận hành; Biên bản số 1028/BB-SXD ngày 20/5/2014)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HTKT.DN.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Tấn Dực